TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 9 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Đình Chúc

2. Ông Nguyễn Quang Bằng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXX - ST ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đại Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu 3 Trung, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Minh H1, sinh năm 1984; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu 3 Trung, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/4/2021 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Đại Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Minh H1 đăng ký kết hôn ngày 13/3/2010 tại UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn và chung sống được 30 ngày thì anh H1 sang Hàn Quốc lao động, chị ở nhà một mình. Chị ở nhà chồng đến tháng 4/2015 thì bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Theo như chị được biết thì năm 2013 anh H1 hết hợp đồng lao động tại Hàn Quốc nhưng anh H1 không về Việt Nam mà vẫn ở Hàn Quốc lao động. Chị và anh H1 vẫn liên lạc với nhau qua mạng xã hội nhưng anh H1 không cho chị biết địa chỉ cụ thể của anh ở Hàn Quốc nên chị không cung cấp cho Tòa án được. Do vợ chồng không ở gần nhau nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm

lẫn nhau, ai có việc người đó làm. Sau khi chị về nhà mẹ đẻ, anh H1 cũng không động viên, hỏi han, quan tâm đến chị, hai bên gia đình cũng không hòa giải hay dàn xếp gì. Nay chị xác định vợ chồng đã xa nhau 12 năm không gặp, cả 2 vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Không có

Về tài sản, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Phạm Quang Đ (bố đẻ anh Phạm Minh H1) xác định: Năm 2007 anh H1 đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc. Đến tháng 01/2010 (âm lịch) anh H1 được về Việt Nam nghỉ phép 40 ngày, 10 ngày sau khi về Việt Nam anh kết hôn với chị H, sau khi kết hôn được 30 ngày anh sang Hàn Quốc lao động, chị H ở nhà một mình. Gia đình ông vẫn thường xuyên liên lạc với anh H1 qua điện thoại và mạng xã hội, ông đã thông báo cho anh H1 biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh và chị H, mỗi khi Tòa án gửi văn bản tố tụng gì, ông đều thông báo ngay cho anh H1, quan điểm của anh H1 là đồng ý ly hôn với chị H. Ông có hỏi anh H1 địa chỉ của anh ở Hàn Quốc để Tòa án gửi giấy tờ sang nhưng anh H1 không nói địa chỉ cho ông biết, chỉ nói lại là anh không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định. Từ năm 2010 đến nay, anh H1 chưa về nước lần nào.

Tòa án xác minh tại UBND thị trấn Y, huyện Y - nơi anh H1 và chị H đăng ký kết hôn thể hiện: Chị H và anh H1 đều đăng ký hộ khẩu tại thôn Trung, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y ngày 13/3/2010. Về mâu thuẫn: Sau khi cưới anh chị ở với nhau một thời gian ngắn thì anh H1 bay sang Hàn Quốc, chị H ở nhà một mình, anh chị có mâu thuẫn gì địa phương không nắm được. Về con chung: anh chị không có con chung. Từ năm 2010 đến nay, anh H1 không có mặt ở địa phương, hiện anh đang làm gì, ở đâu địa phương không nắm được.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được thông báo việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc nhưng không hợp tác gửi bản tự khai và quan điểm giải quyết về cho Tòa án; Tòa án đã yêu cầu gia đình anh H1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19, 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đại Thị H, cho chị H ly hôn với anh H1. Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Minh H1 hiện đang ở nước ngoài theo xác định tại Công văn số 561/XNC-Đ1 ngày 22/6/2021 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể, anh H1 xuất cảnh sang Hàn Quốc ngày 27/02/2007, nhập cảnh về nước ngày 28/02/2010, xuất cảnh sang Hàn Quốc ngày 09/4/2010, không có thông tin nhập cảnh. Anh H1 có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn Trung, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Quang Đ là bố đẻ anh H1 cho biết: Gia đình ông vẫn thường xuyên liên lạc với anh H1 qua điện thoại và mạng xã hội, ông đã thông báo cho anh H1 biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh và chị H, mỗi khi Tòa án gửi văn bản tố tụng gì, ông đều thông báo ngay cho anh H1, quan điểm của anh H1 là đồng ý ly hôn với chị H. Ông có hỏi anh H1 địa chỉ của anh ở Hàn Quốc để Tòa án gửi giấy tờ sang nhưng anh H1 không nói địa chỉ cho ông biết, chỉ nói lại là anh không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định.

Toà án đã tiến hành niêm yết tại địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh H1 tại thôn Trung, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng anh H1 không có mặt tại Toà án. Do vậy, căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn".

[3] Xét đơn xin ly hôn của chị Đại Thị H với anh Phạm Minh H1; Hội đồng xét xử thấy: Anh H1 và chị H kết hôn với nhau ngày 13/3/2010 tại UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được 30 ngày thì anh H1 tiếp tục sang Hàn Quốc lao động, chị ở nhà một mình. Do vợ chồng không ở gần nhau nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, ai có việc người đó làm, anh H1 cũng không động viên, hỏi han, quan tâm đến chị H, vì vậy tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hội đồng xét xử thấy, từ khi anh H1 và chị H kết hôn đến nay là 12 năm nhưng anh chị chỉ chung sống 30 ngày sau đó anh H1 đi xuất khẩu lao động, từ năm 2010 đến nay anh H1 không về nước thăm và đoàn tụ với chị H lần nào, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án cho ly hôn, anh H1 thông qua thân nhân cũng thể hiện quan điểm không còn tình cảm gì với chị H.

Trên cơ sở các tài liệu như trên thấy rằng, chị H và anh H1 không còn quan hệ tình cảm, anh H1 hiện đang làm ăn tại Hàn Quốc từ năm 2010 đến nay chưa về nên khoảng cách về địa lý làm cho khả năng đoàn tụ là khó khăn, vì vậy tình trạng hôn nhân của chị H, anh H1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh H1.

[4] Về con chung: Chị H xác định không có con chung với anh H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên toà là có cơ sở, cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 147, Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Cho chị Đại Thị H được ly hôn anh Phạm Minh H1.

2. Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0000246 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND thị trấn Y, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Văn Thái